

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2025
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979;

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 3/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà và ông Phạm Hoàng T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 16-02-2001. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống và các sinh hoạt trong gia đình. Ông T không quan tâm chăm lo cho gia đình, luôn hạch sách với vợ con. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không có sự chia sẻ quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Vợ chồng không còn sống chung nên tình cảm vợ chồng không còn, bà H cảm thấy sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có hai con chung tên là Phạm Nguyễn Hồng H1, sinh ngày 30-8-2001 và Phạm Nguyễn Hồng D, sinh ngày 03-11-2006. Ngoài ra bà không có con nuôi. Cháu H1 và cháu D đã đủ tuổi trưởng thành khỏe mạnh, bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Hoàng T: Ông Phạm Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện ly hôn với ông Phạm Hoàng T, ông T có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Hoàng T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phạm Hoàng T

tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 16-02-2001 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn bà H cho rằng do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chia sẻ cùng nhau. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau, tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc. Vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Về phía bị đơn ông T đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng ông T không đến và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà H, chứng tỏ ông T không có ý muốn hàn gắn gia đình. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có hai con chung tên là Phạm Nguyễn Hồng H1, sinh ngày 30-8-2001 và Phạm Nguyễn Hồng D, sinh ngày 03-11-2006. Ngoài ra bà H không có con nuôi. Cháu H1 và cháu D đã đủ tuổi trưởng thành khỏe mạnh, bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với bị đơn ông Phạm Hoàng T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Phạm Hoàng T.

2. Về con chung: Có hai con chung tên là Phạm Nguyễn Hồng H1, sinh ngày 30-8-2001 và Phạm Nguyễn Hồng D, sinh ngày 03-11-2006. Ngoài ra bà H không có con nuôi. Cháu H1 và cháu D đã đủ tuổi trưởng thành khỏe mạnh, bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền 3 000.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002998 ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong án phí hôn nhân.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lương

